

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DS - ST

Ngày: 04 - 6 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Thanh Phát

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Hà Bửu Khánh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLST - DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2021/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ngân hàng B.

Địa chỉ: Lầu 8, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

***1.1. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Đức Thạch D - chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng B.

***1.2. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Ông Phạm Thái I - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng B - chi nhánh KG.

Địa chỉ: Số 279 - 281 - 283 - 285 đường O, phường Vĩnh Thanh F, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

***1.3. Người được ủy quyền lại của nguyên đơn:*** Ông Trần Thanh Th1, sinh năm: 1978 - chức vụ: Trưởng phòng giao dịch G (văn bản ủy quyền ngày 15/10/2020, có mặt).

Địa chỉ: Khu phố J, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Thùy Tr, sinh năm: 1984 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã W, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2020 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Thanh Th1 là người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 05/7/2017, bà Phạm Thị Thùy Tr có ký với Ngân hàng B chi nhánh KG - phòng giao dịch G (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng) gọi chung là hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà Tr, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng và hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân và thỏa thuận về tiền lãi, các loại phí phát sinh.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Tr đã thực hiện các giao dịch, kể từ ngày 31/7/2017 cho đến ngày 31/10/2019 với tổng số tiền là 43.354.400 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt cho đến nay bà Tr đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 36.225.105 đồng (trong đó, thanh toán nợ gốc là 16.085.151 đồng, thanh toán nợ lãi và phí là 20.139.951 đồng). Qua nhiều lần làm việc, yêu cầu bà Tr thanh toán nợ, bà Tr chỉ hứa hẹn, cam kết nhưng không thực hiện. Do đó, bà Tr đã vi phạm Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ.

Ngày 01/11/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tr phải trả cho Ngân hàng, các khoản tiền còn thiếu tính đến ngày 04/6/2021 tổng cộng là 47.940.163 đồng. Trong đó, nợ gốc là 27.269.249 đồng và nợ tiền lãi quá hạn là 20.670.914 đồng. Ngoài ra, yêu cầu bà Tr phải tiếp tục trả tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán dứt nợ.

*Theo biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 21/5/2021, bà Phạm Thị Thùy Tr là bị đơn trình bày:*

Bà thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc hai bên ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và các thỏa thuận trong hợp đồng là đúng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà chưa có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng, khi bà vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, phía Ngân hàng có thông báo cho bà biết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà thừa nhận và đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, số tiền tạm tính đến ngày 21/5/2021 tổng cộng là 47.443.862 đồng. Trong đó, tiền vốn là 27.269.249 đồng và tiền lãi quá hạn là 20.174.613 đồng nhưng

chưa ấn định được thời gian thanh toán nợ. Đồng thời, bà đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng B (gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu bà Phạm Thị Thùy Tr phải trả nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bà Tr vay với tư cách cá nhân, không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiêu dùng, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Phạm Thị Thùy Tr là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Mặt khác, bà Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Mặc dù, bà Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án giữa bà Tr và người được ủy quyền lại của nguyên đơn thống nhất xác định: Ngày 05/7/2017, bà Tr có ký với Ngân hàng B chi nhánh KG - phòng giao dịch G (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gọi tắt là hợp đồng), nội dung thỏa thuận: Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng và hạn mức sử dụng cho bà Tr là 25.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 2,6%/ tháng, tiền lãi quá hạn là 3,9%/ tháng, các loại phí phát sinh. Đồng thời, hai bên thống nhất về khoản tiền đã thanh toán và tiền vốn còn nợ là 27.269.249 đồng, tiền lãi quá hạn còn nợ là 20.174.613 đồng (tính đến ngày 21/5/2021). Vì vậy, có đủ căn cứ xác định hai bên có xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau là sự thật và việc ký kết hợp đồng vay tài sản của hai bên hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật. Do đó, các bên phải thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Tr đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên việc Ngân hàng thông báo chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, chấm dứt quyền sử dụng thẻ là phù hợp theo điều 2 và điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Đối với bảng tóm tắt sao kê khách hàng Phạm Thị Thùy Tr, ngày 04/6/2021 do Ngân hàng cung cấp tại phiên tòa, qua xem xét hoàn toàn phù hợp với nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp theo khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Việc bà Tr thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng nêu lên hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập ổn định nên chưa ấn định

được thời gian thanh toán nợ là vi phạm về hợp đồng vay tài sản và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện bà Tr yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ để chấp nhận, Hội đồng xét xử buộc bà Tr phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 47.940.163 đồng. Trong đó, nợ gốc là 27.269.249 đồng và nợ tiền lãi quá hạn là 20.670.914 đồng. Ngoài ra, bà Tr còn phải tiếp tục trả tiền lãi tương ứng với dư nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[3]. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 985.000 đồng.

Bà Phạm Thị Thùy Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 47.940.163 đồng x 5% = 2.397.008 đồng, tính tròn là 2.397.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B đối với bà Phạm Thị Thùy Tr, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Phạm Thị Thùy Tr phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng B số tiền tổng cộng là 47.940.163 đồng (bốn mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi nghìn một trăm sáu mươi ba đồng. Trong đó, nợ gốc là 27.269.249 đồng và nợ tiền lãi quá hạn là 20.670.914 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/6/2021), bà Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05/7/2017 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

2. Về án phí: Hoàn trả cho Ngân hàng B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 985.000 đồng (chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng), do ông Nguyễn Sỹ Quốc C2 nộp thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005872 ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bà Phạm Thị Thùy Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.397.000 đồng (hai triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng B có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04/6/2021); bà Phạm Thị Thùy Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện G;
- Thi hành án huyện G;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Thanh Phát**